

Present verbs & past verbs

present verbs động từ hiện tại		past verbs động từ quá khứ
is / am thì, là, ở	➡	was đã là, đã ở
are thì, là, ở	➡	were đã là, đã ở
have / has có	➡	had đã có
drink uống	➡	drank đã uống
see nhìn, thấy	➡	saw đã gặp, đã thấy
give cho	➡	gave đã cho
take mang, lấy	➡	took đã mang, đã lấy
go đi	➡	went đã đi
eat ăn	➡	ate đã ăn

Note: Động từ quá khứ thường dùng khi câu nói về việc đã xảy ra rồi. Trong câu thường có các từ như: yesterday (hôm qua), last week (tuần trước), last Monday, last Tuesday, ago,...